TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ VŨNG TÀU** TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 25/2021/DS-ST
Ngày: 25-10-2021
V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ VŨNG TÀU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Trà My.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Hà Văn Trường

2. Ông Đặng Ngọc Thương

- Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Thị Lan Hương - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Vũng Tàu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vũng Tàu tham gia phiên tòa: Bà Phùng Thị Kim Thoa - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 10 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Vũng Tàu xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 113/2021/TLST-DS ngày 02 tháng 4 năm 2021 về "Tranh chấp hợp đồng tín dụng", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 47/2021/QĐXXST-DS ngày 15 tháng 6 năm 2021, Quyết định hoãn phiên tòa số 40/2021/QĐ-ST ngày 01 tháng 7 năm 2021 và Thông báo mở lại phiên tòa số 92/TB-MLPT ngày 08 tháng 10 năm 2021, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP VN TV;

Địa chỉ trụ sở: 89 LH, phường LH, quận ĐĐ, thành phố HN.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn:

- Ông Ngô Chí D - chức vụ: Chủ tịch hội đồng quản trị Ngân hàng TMCP VN TV, là người đại diện theo pháp luật;

- Ông Đỗ Thành T - chức vụ: Phó Giám đốc trung tâm xử lý nợ pháp lý Ngân hàng TMCP VN TV, là người đại diện ủy quyền theo giấy ủy quyền số 25/2020/UQ-HĐQT ngày 07-7-2020 của Ngân hàng TMCP VN TV;

- Ông Đinh Văn P, chức vụ: Chuyên viên xử lý nợ Ngân hàng TMCP VN TV; địa chỉ: Tầng 1, tòa nhà ACM, số 96 CT, P 4, Q 3, thành phố HCM; là người được ủy quyền lại theo giấy ủy quyền số 5365/2021/UQ-VPB ngày 29-4-2021 của Ngân hàng TMCP VN TV.

2. Bị đơn: Ông Trần Thanh S, sinh năm 1984;

Địa chỉ thường trú: 15/3(số cũ: 50/3) LQĐ, P 1, thành phố VT, tỉnh BR-VT.

Địa chỉ hiện nay: 456/11D BG, phường NAN, thành phố VT, tỉnh BR-VT.

(Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt; trong đó, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn ông Đinh Văn P có đơn xin xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án người đại diện hợp pháp của nguyên đơn ông Đinh Văn P trình bày:

Ngày 14-9-2017, Ngân hàng Thương mại cổ phần VN TV (gọi tắt là Ngân hàng VPBank) và ông Trần Thanh S ký kết Hợp đồng cho vay số LN1709070224795/VTU/HĐTD (gọi tắt là Hợp đồng cho vay) với nội dung:

Ngân hàng VPBank cho ông S vay số tiền 471.000.000đ; thời hạn vay: 83 tháng tính từ ngày 14-9-2017; lãi suất cho vay trong hạn: 8.9%/năm, cố định 03 tháng đầu tiên, định kỳ điều chỉnh lãi suất 03 tháng /lần; mục đích vay: mua xe ô tô Nhãn hiệu CHEVROLET.

Tài sản thế chấp bảo đảm cho khoản vay theo hợp đồng cho vay và các hợp đồng văn bản tín dụng khác được ký kết giữa ông S và Ngân hàng VPBank là: 01 xe ô tô Nhãn hiệu CHEVROLET; số loại: CRUZE; số máy: 6D3171580304; số khung: 696EHH947587; biển số: 72A-222.42; màu sơn: trắng; số chỗ ngồi: 05 chỗ; chủ sủ dụng là ông Trần Thanh S theo hợp đồng thế chấp xe ô tô số LN1709070224795/VTU/HĐTCSP ngày 14-9-2017 (gọi tắt là Hợp đồng thế chấp).

Ông Trần Thanh S đã nhận nợ theo khế ước nhận nợ số LN1709070224795/VTU/HĐTD ngày 14-7-2017 (gọi tắt là khế ước nhận nợ);

Cùng ngày 14-9-2017, Ngân hàng VPBank và ông S ký kết Giấy đăng ký kiêm hợp đồng cho vay không tài sản bảo đảm, mở và sử dụng tài khoản thanh toán, thẻ tín dụng và dịch vụ ngân hàng điện tử số CN/VN0010262/201709/347 (gọi tắt là Hợp đồng tín chấp) với nội dung: Ngân hàng VPBank cho ông S vay số tiền 58.900.000đ; thời hạn vay: 60 tháng tính từ ngày tính từ ngày 16-9-2017; lãi suất cho vay trong hạn: 20%/năm cố định; mục đích vay: vay tiêu dùng.

Quá trình thực hiện 02 hợp đồng, ông S đã thanh toán cho Ngân hàng VPBank tổng số tiền là 405.478.519đ, bao gồm 228.038.913đ tiền gốc và 177.439.606đ tiền lãi, trong đó số tiền thanh toán hợp đồng cho vay là 348.521.812đ, gồm 199.907.183đ tiền gốc, 148.614.629đ tiền lãi; số tiền thanh toán hợp đồng tín chấp là 56.956.707đ, gồm 28.131.730đ tiền gốc và 28.824.977đ tiền lãi.

Ngân hàng VPBank đã nhiều lần liên hệ yêu cầu ông S thanh toán tiền gốc và lãi quá hạn của cả 02 hợp đồng cho vay và tín chấp nhưng ông S không thực hiện. Do vậy, Ngân hàng VPBank khởi kiện yêu cầu ông S thanh toán số tiền còn nợ tính đến hết ngày 25-10-2021 là 357.170.149đ, bao gồm 301.861.087đ tiền gốc và 55.309.062đ tiền lãi; trong đó, số tiền còn nợ theo hợp

đồng cho vay là 271.092.817đ tiền gốc, 46.816.791đ tiền lãi; số tiền còn nợ theo hợp đồng tín chấp là 30.768.270đ tiền gốc và 8.492.271đ tiền lãi và yêu cầu ông S phải chịu lãi phát sinh theo các hợp đồng kể từ sau ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thanh toán xong khoản nợ.

Trường hợp ông S không thực hiện thanh toán khoản nợ hoặc thực hiện không đầy đủ thì đề nghị phát mãi tài sản thế chấp là 01 xe ô tô nhãn hiệu CHEVROLET; số loại: CRUZE; số máy: 6D3171580304; số khung: 696EHH947587; biển số: 72A-222.42; màu sơn: trắng; số chỗ ngồi: 05 chỗ; chủ sủ dụng là ông Trần Thanh S để thu hồi nợ.

Nguyên đơn vắng mặt, có đơn giữ nguyên các ý kiến trình bày ở giai đoạn trước khi xét xử và xin vắng mặt tại phiên tòa.

Bị đơn ông Trần Thanh S đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để làm việc, tham gia phiên họp về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và tham gia phiên hòa giải, tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt không lý do.

Tại phiên tòa:

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vũng Tàu phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Toà án thụ lý vụ án đúng thẩm quyền. Trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán đã thực hiện đúng quy định pháp luật về tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thư ký và nguyên đơn tuân thủ đúng quy định pháp luật về tố tụng dân sự, bị đơn không thực hiện đúng quy định pháp luật về tố tụng dân sự.

Về nội dung: Xét chứng cứ có trong vụ án thì yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về áp dụng pháp luật tố tụng:

[1.1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: Ngân hàng Thương mại cổ phần VN TV có đơn khởi kiện yêu cầu ông Trần Thanh S thanh toán nợ theo hợp đồng đã ký kết. Xét đây là tranh chấp phát sinh từ hợp đồng tín dụng thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn ông S có nơi cư trú tại thành phố Vũng Tàu nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Vũng Tàu theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Nguyên đơn Ngân hàng VPbank, bị đơn ông Trần Thanh S đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng và giấy triệu tập để tham gia phiên tòa lần thứ 2 nhưng nguyên đơn vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt; bị đơn vắng mặt không có lý do. Do đó, căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3

Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

[2] Về áp dụng pháp luật nội dung:

[2.1] Xét yêu cầu trả tiền gốc, lãi của nguyên đơn đối với bị đơn theo hợp đồng cho vay và hợp đồng tín chấp đã giao kết thấy rằng:

Căn cứ Hợp đồng cho vay, hợp đồng tín chấp ngày 14-9-2017 và đơn khởi kiện của nguyên đơn xác định bị đơn ông Trần Thanh S có địa chỉ thường trú là 15/3(số cũ: 50/3) Lê Quý Đôn, Phường 1, thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu và địa chỉ hiện nay là 456/11D Bình Giã, phường Nguyễn An Ninh, thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa - Vùng Tàu. Tòa án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng đến bị đơn theo các địa chỉ trên nhưng bị đơn không có ý kiến và chứng cứ nộp cho Tòa án nên Hội đồng xét xử không có cơ sở xem xét ý kiến của bị đơn.

Xét ý kiến nguyên đơn, hợp đồng cho vay và hợp đồng tín chấp ngày 14-9-2017 thấy rằng: các hợp đồng này được Ngân hàng VPbank ký kết với ông Trần Thanh S trên cơ sở tự nguyện, hình thức và nội dung hợp đồng không trái quy định của pháp luật. Do đó, làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của các bên theo hợp đồng đã ký kết.

[2.1.1] Xét hợp đồng cho vay, khế ước nhận nợ, bảng kê tính tiền gốc và lãi chi tiết đến hết ngày 25-10-2021, các quyết định ban hành biểu lãi suất huy động vốn áp dụng đối với khách hành cá nhân, bản tự khai của nguyên đơn có căn cứ xác định Ngân hàng VPbank và ông S có ký hợp đồng cho vay ngày 14-9-2017, ông S đã thanh toán cho Ngân hàng VPbank số tiền 348.521.812đ, gồm 199.907.183đ tiền gốc, 148.614.629đ tiền lãi; đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán nợ vay kể từ ngày 14-9-2020, còn nợ Ngân hàng VPbank 271.092.817đ tiền gốc và 46.816.791đ tiền lãi quá hạn với mức lãi suất quá hạn bằng 150% mức lãi suất trong hạn (theo bảng kê chi tiết đính kèm).

[2.1.2] Xét hợp đồng tín chấp, bảng kê tính tiền gốc và lãi chi tiết đến hết ngày 25-10-2021, bản tự khai của nguyên đơn có căn cứ xác định Ngân hàng VPbank với ông S có ký hợp đồng tín chấp ngày 14-9-2017, ông S đã thanh toán cho Ngân hàng VPbank số tiền 56.956.707đ, gồm 28.131.730đ tiền gốc và 28.824.977đ tiền lãi; đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán nợ vay kể từ ngày 14-9-2020, còn nợ Ngân hàng VPbank 36.747.799đ, gồm 30.768.270đ tiền gốc và 5.979.529đ tiền lãi quá hạn với mức lãi suất quá hạn bằng 150% mức lãi suất trong hạn (theo bảng kê chi tiết đính kèm).

Do ông S vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên Ngân hàng VPBank khởi kiện yêu cầu ông S thanh toán số tiền gốc, lãi còn thiếu nói trên và lãi phát sinh kể từ ngày 26-10-2021 cho đến khi ông S hoàn tất khoản nợ theo hợp đồng cho vay, hợp đồng tín chấp đã ký kết là phù hợp với quy định tại Điều 91, Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2.2] Xét yêu cầu của nguyên đơn về việc xử lý tài sản bảo đảm theo hợp đồng thế chấp trong trường hợp bị đơn không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ đối với các khoản nợ theo hợp đồng:

Hợp đồng thế chấp xe ô tô số LN1709070224795/VTU/HĐTCSP ngày 14-9-2017 được ký kết giữa Ngân hàng VPBank với ông S trên cơ sở tự nguyện, hình thức, nội dung hợp đồng hợp pháp và được Trung tâm đăng ký giao dịch tài sản thành phố Đà Nẵng cấp Giấy chứng nhận đăng ký giao dịch bảo đảm, hợp đồng, thông báo việc kê biên tài sản thi hành án theo quy định pháp luật.

Tài sản thế chấp: 01 xe ô tô nhãn hiệu CHEVROLET; số loại: CRUZE; số máy: 6D3171580304; số khung: 696EHH947587; biển số: 72A-222.42; màu sơn: trắng; số chỗ ngồi: 05 chỗ; chủ sủ dụng là ông Trần Thanh S là tài sản đảm bảo cho việc thực hiện Hợp đồng cho vay và Hợp đồng tín chấp theo Điều 1, 2 hợp đồng thế chấp ngày 14-9-2017 và các điều này phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 296 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Ông S vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo Hợp đồng cho vay và Hợp đồng tín chấp từ ngày 14-9-2020. Căn cứ thỏa thuận tại Điều 7 Hợp đồng thế chấp, Điều 299 Bộ luật Dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xử lý tài sản chấp là xe ô tô xe ô tô nhãn hiệu CHEVROLET, biển số 72A-222.42 nói trên để thu hồi nợ trong trường hợp ông S không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ theo hợp đồng cho vay và hợp đồng tín chấp ngày 14-9-2017.

[3] Án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Trần Thanh S có trách nhiệm trả nợ cho Ngân hàng VPBank nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch.

Ngân hàng VPBank không phải chịu án phí, hoàn trả cho Ngân hàng VPBank số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 3 Điều 26; điểm a Khoản 1 Điều 35; điểm a Khoản 1 Điều 39; Khoản 1 Điều 147; điểm b Khoản 2 Điều 227 và Khoản 3 Điều 228, Điều 266, 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Các Điều 296, 299, 463 và 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Các Điều 91, 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010;

- Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng thương mại cổ phần VN TV.

2. Buộc ông Trần Thanh S có trách nhiệm trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần VN TV số tiền 357.170.149đ (*ba trăm năm mươi bảy triệu một trăm bảy mươi nghìn một trăm bốn mươi chín đồng*) gồm 301.861.087đ (*ba trăm lẻ một triệu tám trăm sáu mươi mốt nghìn không trăm tám mươi bảy đồng*) tiền

gốc và 55.309.062đ (*năm mươi lăm triệu ba trăm lẻ chín nghìn không trăm sáu mươi hai đồng*) tiền lãi (tính đến hết ngày 25-10-2021), trong đó:

Số tiền còn nợ theo Hợp đồng cho vay số LN1709070224795/VTU/HĐTD ngày 14-9-2017 là 317.909.608đ (*ba trăm mười bảy triệu chín trăm lẻ chín nghìn sáu trăm lẻ tám đồng*), gồm 271.092.817đ (*hai trăm bảy mươi mốt triệu không trăm chín mươi hai nghìn tám trăm mười bảy đồng*) tiền gốc, 46.816.791đ (*bốn mươi sáu triệu tám trăm mười sáu nghìn bảy trăm chín mươi mốt đồng*) tiền lãi;

Số tiền còn nợ theo Giấy đăng ký kiêm hợp đồng cho vay không tài sản bảo đảm, mở và sử dụng tài khoản thanh toán, thẻ tín dụng và dịch vụ ngân hàng điện tử số CN/VN0010262/201709/347 ngày 14-9-2017 là 39.260.541đ (*ba mươi chín triệu hai trăm sáu mươi nghìn năm trăm bốn mươi mốt đồng*), gồm 30.768.270đ (*ba mươi triệu bảy trăm sáu mươi tám nghìn hai trăm bảy mươi đồng*) tiền gốc và 8.492.271đ (*tám triệu bốn trăm chín mươi hai nghìn hai trăm bảy mươi mốt đồng*) tiền lãi.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm ông S còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng Hợp đồng cho vay và Giấy đăng ký kiêm hợp đồng cho vay không tài sản bảo đảm, mở và sử dụng tài khoản thanh toán, thẻ tín dụng và dịch vụ ngân hàng điện tử nói trên cho đến khi thanh toán xong các khoản nợ gốc này. Trường hợp trong các hợp đồng trên, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của ngân hàng cho vay.

3. Trường hợp ông Trần Thanh S không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ ghi ở mục 2 phần Quyết định của Bản án thì Ngân hàng thương mại cổ phần VN TV có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền phát mãi tài sản bảo đảm 01 xe ô tô nhãn hiệu CHEVROLET; số loại: CRUZE; số máy: 6D3171580304; số khung: 696EHH947587; biển số: 72A-222.42; màu sơn: trắng; số chỗ ngồi: 05 chỗ; chủ sủ dụng là ông Trần Thanh S theo Hợp đồng thế chấp xe ô tô số LN1709070224795/VTU/HĐTCSP ngày 14-9-2017 ký kết giữa Ngân hàng thương mại cổ phần VN TV chi nhánh Vũng Tàu với ông Trần Thanh S để thu hồi nợ.

Nếu sau khi phát mãi tài sản thế chấp mà không đủ trả nợ cho Ngân hàng thương mại cổ phần VN TV thì ông Trần Thanh S phải tiếp tục trả nợ cho Ngân hàng thương mại cổ phần VN TV cho đến khi hết nợ.

4. Buộc Ngân hàng thương mại cổ phần VN TV phải hoàn trả lại ông Trần Thanh S bản chính Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô hiệu nhãn hiệu CHEVROLET; số loại: CRUZE; số máy: 6D3171580304; số khung: 696EHH947587; biển số: 72A-222.42; màu sơn: trắng; số chỗ ngồi: 05 chỗ do công an tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu cấp ngày 14-9-2017cho chủ sủ dụng là ông

Trần Thanh S ngay sau khi ông S thanh toán xong các khoản nợ mà không phải phát mãi tài sản thế chấp.

5. Án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Trần Thanh S phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch với số tiền là: 17.858.507đ (*mười bảy triệu tám trăm năm mươi tám nghìn năm trăm lẻ bảy đồng*).

Ngân hàng thương mại cổ phần VN TV không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm; hoàn lại cho Ngân hàng thương mại cổ phần VN TV số tiền 8.200.000đồng (*tám triệu hai trăm nghìn đồng*) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số TU/2020/0003367 ngày 02-4-2021 của Chi cục Thi hành án Dân sự thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

6. Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu xét xử theo trình tự phúc thẩm. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo được tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh BR-VT;
- VKSND TP. Vũng Tàu;
- Chi cục THADS TP. Vũng Tàu;
- Các đương sự;
- Văn phòng TAND TP. Vũng Tàu;
- Lưu: Tòa DS; hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Nguyễn Trà My